

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI ADSPACE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI ADSPACE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ADSPACE TECHNOLOGY AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109541705

**3. Ngày thành lập:** 08/03/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 12, tháp C, tòa nhà Hồ Gươm Plaza, số 102 đường Trần Phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986785793

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                    | 6810(Chính) |
| 2.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                     | 7310        |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                            | 4652        |
| 4.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                            | 4791        |
| 5.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                           | 4651        |
| 6.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản<br>(Trừ hoạt động đấu giá) | 6820        |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                            | 4649        |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                             | 4669        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                             | 8299        |
| 10. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                            | 4719        |
| 11. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4752        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                            | 5210 |
| 13. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                  | 4932 |
| 14. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                  | 5224 |
| 15. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                            | 4311 |
| 16. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                 | 4312 |
| 17. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                             | 4321 |
| 18. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                             | 4322 |
| 19. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: - Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện                                                                                                                       | 8230 |
| 20. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa;<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                 | 4610 |
| 21. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                  | 6619 |
| 22. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại, các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm); | 6399 |
| 23. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                  | 5610 |
| 24. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                              | 5629 |
| 25. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar)                                                                                                                                                                    | 5630 |
| 26. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                  | 4633 |
| 27. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                | 4632 |
| 28. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                            | 4620 |
| 29. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                  | 4722 |
| 30. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke)<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke)                                                                | 4723 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ VĂN HÒN     | Thôn Kinh Trang, Xã Thái Dương, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông         | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    | 030093007207                                                                                |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số                   | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN VIỆT DŨNG | Tổ 7, khu 5, Phường Quang Hanh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông         | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    | 100984147                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số                   | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                            |                           |         |               |        |           |
|---|----------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|-----------|
| 3 | TRẦN MẠNH TOÀN | Số 45 Tuệ Tĩnh, Phường An Tảo, Thành phố Hưng yên, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 200.000 | 2.000.000.000 | 40,000 | 145117186 |
|   |                |                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                            | Tổng số                   | 200.000 | 2.000.000.000 | 40,000 |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ VĂN HƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/07/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030093007207

Ngày cấp: 28/02/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Kinh Trang, Xã Thái Dương, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Kinh Trang, Xã Thái Dương, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội